

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN A&F VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN A&F VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A&F VIETNAM DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: A&F.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110828967

3. Ngày thành lập: 05/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 36B ngách 45 Ngõ 172 Đường Âu Cơ, Tổ 9, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971136733

Fax:

Email: dunglta&fgroup@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Các hoạt động chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Sản xuất lông vũ	1010
2.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
5.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
7.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Hoạt động xay xát và sản xuất bột thô Sản xuất và kinh doanh vỏ trấu, sản phẩm từ vỏ trấu	1061
8.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
9.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
10.	Sản xuất đường	1072
11.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
12.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
13.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
14.	Sản xuất chè	1076
15.	Sản xuất cà phê	1077
16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
17.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392

18.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh sợi gỗ, bột gỗ, vỏ bào, hạt gỗ.	1610
19.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
22.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu, Trừ bán lẻ súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
23.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: - Sản xuất than tổ ong; - Sản xuất than trâu, than thiêu kết.	2012
24.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại Sản xuất hoá dược và dược liệu	2100
25.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
26.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
27.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
28.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
33.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
36.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
37.	Bán buôn thực phẩm	4632
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634

40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Mua bán trang thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
47.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
49.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải Hành khách bằng taxi	4931
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics (Trừ vận tải hàng không)	5229
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
64.	Quảng cáo	7310
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
67.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
69.	Dịch vụ đóng gói	8292

70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác xuất nhập khẩu Hoạt động nhượng quyền thương mại (Điều 8 Nghị định 08/2018/NĐ-CP)	8299(Chính)
71.	Đào tạo sơ cấp	8531
72.	Đào tạo trung cấp	8532
73.	Đào tạo cao đẳng	8533
74.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
75.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: hoạt động của các bệnh viện	8610
76.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
77.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
78.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Hoạt động của các phòng xét nghiệm Cơ sở tiêm chủng cố định Điểm tiêm chủng lưu động Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ	8699
79.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage)	9610

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ THANH THUYẾT	Việt Nam	Thôn Đan Nhiễm, Xã Khánh Hà, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	001181035731	
2	LÊ VIỆT DŨNG	Việt Nam	Khu Ga, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	001097011195	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: LÊ VIỆT DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/08/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001097011195

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Ga, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Ga, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội